

Số: 6025 /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung)
Hội Di sản văn hóa Thăng Long- Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 03/2013/TT-BNV ngày 16 tháng 4 năm 2013 của Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội và Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Hội Di sản văn hóa Thăng Long- Hà Nội và Giám đốc Sở Nội vụ thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 1988/TTr-SNV ngày 04 tháng 8 năm 2017 về việc đề nghị phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Di sản văn hóa Thăng Long- Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Di sản văn hóa Thăng Long- Hà Nội đã được Đại hội nhiệm kỳ IV (2016-2021) của Hội Di sản văn hóa Thăng Long- Hà Nội thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2016.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố, Giám đốc các sở: Nội vụ, Sở Văn hóa và Thể thao, các sở, ban, ngành có liên quan và Hội Di sản văn hóa Thăng Long- Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- PCT UBND TP: Ng.V.Sứ;
- VP UBND TP: PCVP Phạm Chí Công, NC, TH, KG-VX; TK-BT
- Lưu: VT.

12779 (41)



Nguyễn Văn Sứ

ĐIỀU LỆ (sửa đổi, bổ sung)

Hội Di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội

(Ban hành kèm theo Quyết định số. 6025./QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2017
của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội

Tên tiếng Anh: Cultural Heritage Association of Thanglong - Hanoi

Tên gọi tắt: CHAHA

2. Biểu tượng: Hội Di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội mang biểu trưng chung của Hội Di sản văn hóa Việt Nam và biểu trưng riêng của Hội Di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội (gọi chung là Hội) là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tự nguyện của những cá nhân, tổ chức Việt Nam đang sinh sống, hoạt động hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội, vì sự nghiệp bảo tồn các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể toàn địa bàn thủ đô Hà Nội.

Điều 3. Tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, được sử dụng con dấu và được mở tài khoản để giao dịch, hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Trụ sở của Hội: Di tích Pháo đài Láng, số 8 phố Pháo Đài Láng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trong lĩnh vực bảo tồn di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Hội tổ chức và hoạt động theo Điều lệ được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt; chịu sự quản lý nhà nước của Sở Văn hóa và Thể thao và các Sở, Ban, ngành có liên quan trong lĩnh vực hoạt động của Hội.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Hội

1. Tự nguyện, tự quản

2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ VÀ NGHĨA VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền mục đích của Hội
2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ công về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội, tổ chức dạy nghề, truyền nghề theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển của Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tổ chức các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật.
Khi có nhu cầu và đủ điều kiện thành lập pháp nhân thuộc Hội hoạt động trong lĩnh vực phù hợp với Điều lệ Hội mà pháp luật đã quy định cụ thể về điều kiện, thủ tục, trình tự, hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động hoặc giấy phép kinh doanh thì Hội quyết định thành lập pháp nhân và có hồ sơ báo cáo theo quy định với Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Sở Nội vụ thành phố Hà Nội, Sở Văn hóa và Thể thao thành phố Hà Nội.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động gắn với nhiệm vụ của Nhà nước giao.
10. Khen thưởng các hội viên, các tổ chức và cá nhân có thành tích trong hoạt động của Hội; Xem xét và kỷ luật hội viên vi phạm Điều lệ Hội.

Điều 7. Nhiệm vụ của Hội

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ của Hội đã được phê duyệt.

Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Phổ biến, huấn luyện kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

4. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật. Báo cáo với UBND Thành phố, Sở Nội vụ, Sở Văn hóa và Thể thao và các cơ quan có liên quan.

6. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

7. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật.

8. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn hội viên

1. Hội viên của Hội Di sản Văn hóa Thăng Long - Hà Nội là tập hợp tự nguyện của những cá nhân, tổ chức Việt Nam đang sinh sống, hoạt động hợp pháp trên địa bàn thành phố Hà Nội, vì sự nghiệp bảo tồn các giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, hoặc những người có tâm huyết với di sản văn hóa. Hội viên của Hội gồm: Hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự.

a) Hội viên chính thức: là cá nhân, tổ chức Việt Nam, hiện đang sinh sống, hoạt động trên địa bàn thành phố Hà Nội, là các nhà khoa học lịch sử, văn hóa, nghệ nhân, các vị chủ trì các di tích, những người có tâm huyết với việc bảo vệ và phát huy di sản văn hóa, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập; đóng hội phí đều được xét để kết nạp thành hội viên chính thức của Hội.

b) Hội viên liên kết, hội viên danh dự: là các cá nhân, tổ chức Việt Nam không có đủ điều kiện hoặc không có đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện và đóng góp cho hoạt động của Hội có thể được Ban Thường vụ Thành Hội xem xét công nhận là hội viên liên kết hoặc hội viên danh dự.

Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và không được bầu cử, ứng cử, đề cử vào Ban Chấp hành, Ban kiểm tra Hội.

2. Các cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện muốn gia nhập Hội phải làm đơn (theo mẫu quy định), thủ tục, quy trình kết nạp hội viên do Ban Chấp hành quy định; và chính thức thành hội viên sau khi được cấp thẻ sinh hoạt. Thẻ hội viên có giá trị kể từ ngày ký.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.
2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.
3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội.
4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.
5. Được giới thiệu hội viên mới.
6. Được khen thưởng theo quy định của Hội.
7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).
8. Được ra khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.
9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Chấp hành nghiêm chỉnh chủ trương đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và Điều lệ Hội, Nghị quyết, quyết định của tổ chức Hội.
2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.
3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.
4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.
5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra Hội

1. Thẻ thức gia nhập Hội:
 - a) Người muốn gia nhập hội phải làm đơn xin gia nhập Hội.

b) Tổ chức Liên chi hội và Chi hội trực thuộc Hội thành phố tiếp nhận đơn, xem xét và trình Thường trực Hội thành phố xem xét, quyết định. Trong trường hợp địa bàn chưa có tổ chức Liên chi hội, Chi hội trực thuộc Hội thành phố thì người muốn gia nhập Hội, có thể đề nghị tham gia sinh hoạt ở Chi hội đã có.

c) Hội viên liên kết do Ban Thường vụ Thành Hội nhận đơn và công nhận. Hội viên danh dự do Ban Thường vụ Thành Hội mời tham gia và công nhận.

2. Chấm dứt tư cách hội viên khi:

a) Cá nhân bị mất quyền công dân Việt Nam; mất năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc qua đời.

b) Pháp nhân bị giải thể, phá sản.

c) Vi phạm pháp luật, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, vi phạm nghiêm trọng Điều lệ và các quy định của Hội;

d) Chậm nhất 15 ngày sau khi Ban Thường vụ Hội ra quyết định chấm dứt tư cách hội viên, Văn phòng Hội có trách nhiệm thông báo công khai theo quy định của Hội. Nhiệm vụ và quyền hạn của hội viên chấm dứt kể từ khi có quyết định chấm dứt tư cách hội viên. Tổ chức hội có hội viên bị khai trừ hoặc hội viên tự nguyện chấm dứt sinh hoạt Hội có trách nhiệm xóa tên hội viên trong Danh sách các hội viên của Hội và thu hồi Thẻ hội viên (nếu có) gửi về Văn phòng Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu, tổ chức của Hội

1. Đại hội.
2. Ban Chấp hành.
3. Ban Thường vụ.
4. Ban Kiểm tra.
5. Văn phòng, các ban chuyên môn và các pháp nhân, tổ chức trực thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi ít nhất có 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hay Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hay Đại hội đại biểu được tổ chức khi trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Đại hội có nhiệm vụ:

- a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động trong nhiệm kỳ và phương hướng nhiệm kỳ mới của Hội;
- b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung);
- c) Thảo luận, góp ý kiến Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành và Báo cáo tài chính của Hội;
- d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra của Hội;
- e) Thông qua Nghị quyết Đại hội

4. Nguyên tắc hoạt động tại Đại hội:

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc qui định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;
- b) Việc biểu quyết thông qua Nghị quyết, quyết định của Đại hội phải được quá 1/2 (một phần hai) hội viên chính thức có mặt tán thành.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không được quá 1/3 so với số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành Hội họp thường kỳ mỗi năm từ một đến hai lần, để xem xét, đánh giá tình hình của Hội, bàn bạc và quyết định các giải pháp cần thiết để thực hiện các quyết định, nghị quyết của Đại hội. Khi cần thiết, Ban Chấp hành

có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 2/3 ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có từ 2/3 ủy viên Ban Chấp hành trở lên tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 50% tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Câu lạc bộ.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban chấp hành. Ban Thường vụ Hội gồm: Chủ tịch, các Phó chủ tịch, các ủy viên Ban Thường vụ. Số lượng cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quy định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a). Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ theo pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban thường vụ Hội họp 3 (ba) tháng một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ.

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp. Ban thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên dự họp biểu quyết tán thành. Trong trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định thuộc về bên có ý kiến của Chủ tịch Hội.

4. Cơ quan thường trực của Ban Thường vụ và Ban Chấp hành là Thường trực Thành hội. Thường trực Hội bao gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch.

Nhiệm vụ của Thường trực Hội:

a) Thay mặt Ban Chấp hành Thành Hội điều hành các công việc thường xuyên của Hội theo Nghị quyết đã được Ban Chấp hành Thành Hội thông qua;

b) Quyết định triệu tập và chuẩn bị nội dung các kỳ họp Thường vụ;

c) Chuẩn bị các báo cáo, kế hoạch công tác 6 tháng, hàng năm để thông qua Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Thành Hội;

d) Lãnh đạo và quản lý trực tiếp các cơ quan thuộc Hội, BCH Liên chi hội, Chi hội trực thuộc;

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội; Nghị quyết của Đại hội; Nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên.

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm tra: Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch hội do Ban Chấp hành quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ;

b) Chịu trách nhiệm toàn diện trước cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định Điều lệ Hội, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

c) Chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành; chỉ đạo chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Khi Chủ tịch Hội vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội.

Điều 18. Phó Chủ tịch Hội

1. Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành của Hội. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp với Điều lệ Hội và theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Văn phòng, các ban chuyên môn và các tổ chức thuộc Hội

1. Văn phòng Hội do Ban Thường vụ Hội quyết định thành lập; là bộ phận giúp việc cho Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội, chịu sự điều hành của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội và hoạt động theo Quy chế được Ban Chấp hành duyệt.

2. Các tiểu ban chuyên môn do Ban Thường vụ Hội quyết định thành lập, có nhiệm vụ đề xuất tham mưu cho Ban Chấp hành Hội và Ban Thường vụ Hội về hoạt động thuộc lĩnh vực mình phụ trách, hoạt động linh hoạt năng động theo Quy chế do Ban Thường vụ Hội quy định.

3. Hội được thành lập các pháp nhân thuộc Hội hoạt động trong lĩnh vực phù hợp với Điều lệ Hội và tuân thủ quy định pháp luật. Hội thành lập pháp nhân thuộc Hội không đúng quy định của pháp luật thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ủy ban nhân dân Thành phố có quyền yêu cầu Hội ra quyết định giải thể pháp nhân và đề nghị Công an Thành phố thu hồi con dấu.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 20. Chia, tách; sáp nhập, hợp nhất, đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 21. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Lệ phí gia nhập Hội, Hội phí hàng năm của hội viên;
- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;

- Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;

- Chi thuê trụ sở làm việc, mua sắm phương tiện làm việc;

- Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội theo quy định của Ban Thường vụ Hội phù hợp với quy định của pháp luật.

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban chấp hành.

2. Tài sản của Hội:

Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật; được nhà nước hỗ trợ (nếu có).

Điều 22. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho hoạt động của Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích của Hội.

Chương VII KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 23. Khen thưởng

1. Hội viên có thành tích xuất sắc đóng góp cho hoạt động của Hội được Ban Chấp hành Hội quyết định khen thưởng hàng năm hoặc đề nghị các cơ quan nhà nước khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và điều lệ Hội.

Điều 24. Kỷ luật

1. Hội viên vi phạm Điều lệ, không thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Ban Chấp hành Hội, làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín và quyền lợi của Hội sẽ tùy theo mức độ nặng, nhẹ phải chịu hình thức kỷ luật bằng các hình thức: khiển trách, cảnh cáo, khai trừ khỏi Hội.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội của Hội Di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được từ trên 50% số đại biểu chính thức có mặt tán thành.

Điều 26. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ này có 8 chương 26 Điều đã được Đại hội đại biểu của Hội Di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội nhiệm kỳ IV (2016 - 2021) nhất trí thông qua ngày 24 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày được Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội phê chuẩn.

2. Căn cứ quy định pháp luật về Hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Di sản văn hóa Thăng Long - Hà Nội có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Sửu

PHÓ CHỦ TỊCH